1.3 PHÂN TÍCH ĐẠO (Paṭisambhidāmagga) - A. Phẩm Chính Yếu (Mahāvaggo) - III. Giảng Về Niệm Hơi Thở Vào Hơi Thở

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

m. GIẢNG VÈ NIỆM HƠI THỞ VÀO HƠI THỞ RA (ẵnÂpânasatikathả) 1. LIỆT KÊ SỐ LƯỢNG (Gaọanuddeso) Đối với vi đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng, có hơn hai trăm pháp sanh lên [ở vị ấy]: Tám trí về ngăn trở và tám trí về hỗ trợ, mười tám trí về tùy phiền não, mười ba trí trong việc thanh lọc, ba mươi hai trí về việc thực hành niệm, hai mươi bốn trí do năng lực của định, bảy mươi hai trí do năng lực của minh sát, tám trí về nhàm chán, tám trí thuận theo nhàm chán, tám trí về sự tịnh lăng của nhàm chán, hai mươi mốt trí về sự an lạc của giải thoát. Phần liệt kê số lượng được đầy đủ.

2. MƯỜI SÁU TRÍ NGAN TRỞ VÀ TRÍ HÔ TRỢ (Parípantha - Upakārasolasa ñānāni) Tám trí về ngăn trở và tám trí về hỗ trợ là gì? Ước muốn trong các dục là sự ngăn trở của định, sự thoát ly là sự hỗ trợ của định. Sân độc là sự ngăn trở của đinh, không sân độc là sự hỗ trợ của định. Lờ đờ buồn ngủ là sự ngăn trở của đinh, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là sự hỗ trợ của đinh. Phóng dật là sự ngăn trở của định, không tản mạn là sự hỗ trợ của định. Hoài nghi là sự ngăn trở của định, sự xác đinh pháp là sự hỗ trợ của đinh. Vô minh là sự ngăn trở của định, trí là sự hỗ trợ của định. Sự không hứng thú là sự ngăn trở của định, sự hân hoan là sự hỗ trợ của định. Tất cả các pháp bất thiện cũng là các sự ngăn trở của định, tất cả các pháp thiện cũng là các sự hỗ trợ của định. Đây là tám trí về ngăn trở và tám trí về hỗ trợ. Được tiếp cận, được quen thuộc với mười sáu biểu hiện này, tâm an trụ ở nhất thể và được thanh tịnh đối với các pháp ngăn che. Các nhất thể ấy là gì? Sự thoát ly là nhất thể, sự không sân độc là nhất thể, sự nghĩ tưởng đen ánh sáng là nhất thể, sự không tản mạn là nhất thể, sự xác đinh pháp là nhất thể, trí là nhất thể, sự hân hoan là nhất thể, tất cả các thiện pháp cũng là các nhất thể. Các pháp ngăn che ấy là gì? Ước muốn trong các dục là pháp ngăn che, sân độc là pháp ngăn che, lờ đờ buồn ngủ là pháp ngăn che, phóng dật là pháp ngăn che, hoài nghi là pháp ngăn che, vô minh là pháp ngăn che, sự không hứng thú là pháp ngăn che, tất cả các bất thiện pháp cũng là các pháp ngăn che.

Pháp ngăn che: Các pháp ngăn che theo ý nghĩa gì? Các pháp ngăn che với ý nghĩa che lấp lối ra. Các lối ra ấy là gì? Sự thoát ly là lối ra của các bậc Thánh, và do sự thoát ly áy các bậc Thánh thoát ra; ước muôn trong các dục là sự che lâp lôi ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi ước muốn trong các dục ấy [hành giả] không nhận biết sự thoát ly là lối ra của các bậc Thánh; ước muốn trong các dục là sự che lấp lối ra. Sự không sân độc là lối ra của các bậc Thánh, và do sự không sân độc ấy các bậc Thánh thoát ra; sân độc là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi sân độc ấy [hành giả] không nhận

biết sự không sân độc là lối ra của các bậc Thánh; sân độc là sự che lấp lối ra. Sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là lối ra của các bậc Thánh, và do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng ấy các bậc Thánh thoát ra; lờ đờ buồn ngủ là sự che lấp lối ra, va do trạng thái bị bao trùm bởi sự lờ đờ buồn ngủ ấy [hành giả] không nhận biết sự nghi tưởng đến ánh sáng là lối ra của các bậc Thánh; lờ đờ buồn ngủ là sự che lâp lối ra. Sự không tản mạn là lối ra của các bậc Thánh, và do sự không tản mạn áy các bậc Thánh thoát ra; phóng dật là sự che lâp lôi ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi phóng dật ấy [hành giả] không nhận biêt sự không tản mạn là lôi ra của các bậc Thánh; phóng dật là sự che lâp lối ra. Sự xác định pháp là lối ra của các bậc Thánh, và do sự xác đinh pháp áy các bậc Thánh thoát ra; hoài nghi là sự che lâp lôi ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi hoài nghi ấy [hành giả] kh6ng nhận biết sự xác định pháp là lôi ra của các bậc Thánh; hoài nghi là sự che lâp lôi ra. Trí là lôi ra của các bậc Thánh, và do trí ấy các bậc Thánh thoát ra; vô minh là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi vô minh ấy [hành giả] không nhận biết trí là lối ra của các bậc Thánh; vô minh là sự che lấp lối ra. Sự hân hoan là lối ra của các bậc Thánh, và do sự hân hoan ấy các bậc Thánh thoát ra; sự không hứng thú là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi sự không hứng thú ấy [hành giả] kh6ng nhận biết sự hân hoan là lối ra của các bậc Thánh; không hứng thú là sự che lâp lối ra. Tát cả các thiện pháp cũng là lôi ra của các bậc Thánh, và do các thiện pháp ấy các bậc Thánh thoát ra; tất cả các bất thiện pháp cũng là các sự che lấp lôi ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi các bất thiện pháp ấy [hành giả] không nhận biết các thiện pháp là lối ra của các bậc Thánh; tất cả các bất thiện pháp cũng là các sự che lấp lối ra. Phần giải thích mười sáu trí được đầy đủ.

3. CÁC TRÍ VỀ TÙY PHIỀN NÃO (Upakkilesañānāni) Hơn nữa, đối với vị đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng có tâm đã được thanh lọc khỏi các pháp ngăn che này, do sự tập trung ngắn hạn có mười tám tùy phiền não gì sanh lên [ở vi ấy]? Tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở vào bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở nội phần là sự ngăn trở của đinh. Tâm của vị đang theo dõi giai đoạn dầu, giữa, cuối của hơi thở ra bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở ngoại phần là sự ngăn trở của định. Do sự mong mỏi ở hơi thở

vào, hành vi của ưa thích và tham ái là sự ngăn trở của đinh. Do sự mong mỏi ở hơi thở ra, hành vi của ưa thích và tham ái là sự ngăn trở của đinh. Đôi với vị áp đặt hơi thở vào, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở ra là sự ngăn trở của định. Đối với vị áp đặt hơi thở ra, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở vào là sự ngăn trở của đinh. Theo dõi hơi thở vào Theo dõi hơi thở ra, Tán nội phần, mong mỏi, Tán ngoại phần, ước muốn, (1) Áp đặt hơi thở vào Hứng thú đạt hơi ra, Áp đặt hơi thở ra Hứng thú đạt hơi vào. (2) Sáu tùy phiền não này Định niệm hơi vào ra, Người bi chúng xáo động Tâm không được giải thoát, Những ai chưa giải thoát Chúng thành tựu tái sanh. (3) Nhóm sáu thứ nhất. Đối với hành giả hướng tâm đến hiện tướng,101 tâm [đặt] ở hơi thở vào bi chao động là sự ngăn trở của đinh. Đôi với hành giả hướng tâm đên hơi thở vào, tâm [đặt] ở hiện tướng bi chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả

hướng tâm đến hiện tướng, tâm [đặt] ở hơi thở ra bị chao động là sự ngăn trở của đinh. Đối với hành giả hướng tâm đến hơi thở ra, tâm [đặt] ở hiện tướng bi chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả hướng tâm đến hơi thở vào, tâm [đặt] ở hơi thở ra bị chao động là sự ngăn trở của định. Đôi với hành giả hướng tâm đến hơi thở ra9 tâm [đặt] ở hơi thở vào bị chao động là sự ngăn trở của định. Hướng tâm đến hiện tướng Ý buông bỏ hơi vào, Hướng tâm đến hơi vào Tâm chao động hiện tướng. (4) Hướng tâm đến hiện tướng Ý buông bỏ hơi ra, Hướng tâm đến hơi ra Tâm chao động hiện tướng. (5) Hướng tâm hơi thở vào Tâm buông bỏ hơi ra, Hướng tâm hơi thở ra Tâm chao động hơi vào. (6) Sáu tùy phiền não này Định niệm hơi vào ra, Người bị chúng xáo động Tâm không được giải thoát, Những ai chưa giải thoát Chúng thành tựu tái sanh. (7) Nhóm sáu thứ nhì. Tâm có sự chạy theo quá khứ102 bị rơi vào tản mạn là sự ngăn trở của định. Tâm có sự mong mỏi ở vi lai103 bị chao động là sự ngăn trở của định. Tâm trì trệ bị rơi vào biếng nhác là sự ngăn trở của đinh. Tâm được ra sức quá mức bị rơi

101 Hiện tướng {nimitta) là vị trí được hơi thở vào hơi thở ra chạm đến. Đối với người có mũi cao là ở chóp mũi, ngươi có mui ngắn là ở môi trên (PsA. I. 471). 102ọTâm có sự chạy theo quá khứ: Tâm dõi theo hơi thở vào hoặc hơi thở ra đã đến và đã đi qua ở tại điểm tiếp xúc (chóp mũi hoặc môi trên) (PsA. L 472). 1° Tâm có sự mọng mỏi ở vị lai: Tâm mong mỏi và chờ đợi hơi thở vào hoặc hơi thở ra còn chưa xảy đến ở tại điểm tiếp xúc (P^. L 472).

vào phóng dật là sự ngăn trở của đinh. Tâm quá chuyên chú bị rơi vào tham là sự ngăn trở của định. Tâm lơi là bị rơi vào sân là sự ngăn trở của định. Tâm chạy theo quá khứ, Vọng tương lai, trì trệ, Quá ra sức, chuyên chú, Tâm lơi là, không đinh. (8) Sáu tùy phiền não này Định niệm thở vào ra Người ô nhiễm bởi chúng Không biết được thắng tâm. (9)

Nhóm sáu thứ ba. Do tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở vào bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở nội phần, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở ra bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở ngoại phần, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do mong mỏi ở hơi thở vào, do ưa thích, do hành vi của ái, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do mong mỏi ở hơi thở ra, do ưa thh, do hành vi của ái, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị áp đặt hơi thở vào, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở ra, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rung động. Đối với vi áp đặt hơi thở ra, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở vào, cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hiện tướng có tâm [đặt] ở hơi thở vào, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hơi thở vào có tâm [đặt] ở hiện tướng, do trạng thái bi dao động, cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hiện tướng có tâm [đặt] ở hơi thở ra, do trạng thái bi dao động cả thân lẫn tâm... (nt)... Đôi với vị hướng tâm đến hơi thở ra có tâm [đặt] ở hiện tướng, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị hướng tâm đến hơi thở vào có tâm [đặt] ở hơi thở ra,

do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị hướng tâm đến hơi thở ra có tâm [đặt] ở hơi thở vào, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do có sự chạy theo quá khứ tâm bị rơi vào tản mạn, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do có sự mong mỏi ở vị lai tâm bị dao động, cả thân lẫn tam trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do có sự trì trệ tâm bị rơi vào biếng nhác, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do ra sức quá mức tâm bi rơi vào phóng dật, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do quá chuyên chú tâm bị rơi vào tham, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do lơi là tâm bị rơi vào sân, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rung động. Đoi với vị tu niệm Hơi thở vào thở ra Không toàn vẹn, không tiến, Thời thân bị loạn động, Tâm cũng bị loạn động, Thân tâm đều rúng động. (10) Đối với vi tu niệm Hơi thở vào thở ra Được toàn vẹn, tiến triển, Thời thân không loạn động, Tâm cũng không loạn động, Thân tâm không rúng động. (11)

PHÂN TÍCH ĐẠO 903

Hơn nữa, đối với vị đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảnẹ có tâm đã được thanh lọc khỏi các pháp ngăn che ấy, thời có mười tám tùy phiền não này sanh lên. Dứt phần giải thích trí về tùy phiền não.

4. CÁC TRÍ TRONG VIỆC THANH LỌC (Vodānañānāni) Mười ba trí gì trong việc thanh lọc? Tâm có sự chạy theo quá khứ bi rơi vào tản mạn. Sau khi ngăn ngừa việc ấy, hành giả tập trung [tâm] vào một chỗ; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm có sự mong mỏi ở vị lai bị chao động. Sau khi ngăn ngừa việc ấy, ngay tại đấy hành giả khăng định lại; như thê tâm không đi đến tản mạn. Tâm trì trệ bị rơi vào biếng nhác. Sau khi nắm giữ điều ấy, hành giả dứt bỏ sự biếng nhác; như vậy tâm khôn^ đi đến tản mạn. Tâm ra sức quá mức bi rơi vào phóng dật. Sau khi hạn chế điêu ây9 hành giả dứt bỏ phóng dật; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm quá chuyên chú bị rơi vào tham. Sau khi có sự nhận biết rõ rệt điều ấy, hành giả dứt bỏ tham; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm lơi là bị rơi vào sân. Sau khi có sự nhận biết rõ rệt điều ấy, hành giả dứt bỏ sân; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Được hoàn toàn trong sạch với sáu trường hợp này, tâm được tinh khiêt đi đên nhát thê. Các nhất thể ấy là gì? Nhất thể trong việc thiết lậẸ sự buông bỏ vật thí, nhất thể trong việc thiết lập hiện tướng của chỉ tịnh, nhất thể trong việc thiết lập tướng trạng của biến hoại, nhất thê trong việc thiết lập sự diệt tận. Nhất thể trong việc thiết lập sự buông bỏ vật thí của những người đã quyết tâm xả bỏ, nhát thê trong việc thiêt lập hiện tướng của chỉ tịnh của những người đã gắn bó với thắng tâm, nhất thể trong việc thiết lập tướng trạng biến hoại của những người thực hànhr minhjf sát,9 nhất J • 5 thểJ trong • việc thiết • lập .sự diệt • r các tận của bậc Thánh nhân. Tâm đạt đên nhát thê băng bôn trường hợp này vừa có sự tiên đên tính chát thanh tinh của việc thực hành, vừa được tăng cường trạng thái xả, và còn được hài lòng bởi trí nữa. Đối với sơ thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? Đối với sơ thiền, sư thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, sự tự hài lòng là phần cuối. Đôi với sơ thiên, sự thanh

tịnh của việc thực hành là phân đâu, có bao nhiêu tướng trạng thuộc vê phân đâu? Có ba tướng trạng thuộc vê phân đâu: Điêu gì là sự ngăn trở của thiền ấy, do điều ấy tâm được thanh tịnh; do bản thể thanh tịnh, tâm đạt đến hiện tướng của chỉ tịnh ở trung tâm; do bản thể đã được đạt đến, tâm tiến vào nơi ấy. Việc tâm được thanh tinh do sự ngăn trở, việc tâm đạt đến hiện tướng của chỉ tịnh ở trung tâm do bản thể thanh tinh, việc tâm tiến vào nơi ấy do bản thể đã được đạt đến, đối với sơ thiền sự thanh tịnh của việc thực hành là J)han đầu, ba tướng trạng này là thuộc về phần đầu. Vì thế được nói rằng: "So thiên vừa là tốt đẹp ở phần dầu, vừa được thành tựu về tướng trạng." Đối với sơ thiền, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, có bao nhiêu

tướng trạng thuộc vê phân giữa? Có ba tướng trang thuộc vê phân giữa: Hành giả dửng dung đối với tâm thanh tịnh, dửng dimg đối với việc đã đạt đến chỉ tịnh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể. Việc hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tịnh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tinh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể, đối với sơ thiền sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, ba tướng trạng này là thuộc về phần giữa. Vì thế được nói rằng: "So thiền vừa là tốt đẹp ở phần giữa, vừa được thành tựu về tướng trạng." Đối với Sơ thiền, sự tự hài lòng là phần cuối, có bao nhiêu tướng trạng thuộc vê phân cuôi? Có bôn tướng trạng thuộc vê phân cuôi: Có sự tự hài lòng đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, sự tự hài lòng đối với các quyền theo ý nghĩa nhất vi, sự tự hài lòng theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn, sự tự hài lòng theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với sơ thiền sự tự hài lòng là phần cuối, bốn tướng trạnệ này là thuộc về phần cuối. Vi thế được nói rằng: "So thiền vừa là tốt đẹp ở phan cuối, vừa được thành tựu về tướng trạng.” Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách,104 được thành tựu mười tướng trạng,105 và còn được thành tựu về tầm, thành tựu về tứ, thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng đinh tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về đinh và thành tựu về tuệ. Đối với Nhị thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... (nt)... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu vê sự khăng định tâm,...(nt).. và thành tựu vê tuệ. Đối với Tam thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... (nt)... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng và còn được thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng đinh tâm, thành tựu ve tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ. Đối với Tứ thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... (nt)... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạnẹ, và còn được thành tựu về xả? thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu ve tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ. Đối với sự chứng đạt Không vô biên xứ... (nt)... sự chứng đạt Thức vô biên xứ... sự chứng đạt Vô sở hữu xứ... sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng XÚT, cái gì là phàn đầu? Cái ệi là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tót đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng,

104 Tâm đã đạt đến 3 phận sự (phần đầu, phần giữa, phần cuối) nghĩa là được tốt đẹp theo 3 cách (sự trong sạch cua việc thực hành, tăng cường trạng thái xả, sự tự hài lòng). (ND) 105 Được thành tựu 10 tướng trạng nghĩa là 3 tướng trạng thuộc về phần đầu, 3 tướng trạng thuộc về phần giữa và 4 tướng trạng 31UỌC về phần cuối tổng cọng lại la 10.

PHÂN TÍCH ĐẠO 905

và còn được thành tựu vê xả, thành tựu vê sự khăng định tâm,... (nt)... và thành tựu về tuệ* Đối với sự quan xét về vô thường, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối?... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về tâm, thành tựu về tứ, thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ. Đối với sự quán xét về khổ não... (nt)... Đối với sự quán xét về vô ngã... (nt)... Đối với sự quán xét về sự nhàm chán... (nt)... Đối với sự quán xét về ly tham ái... Đối với sự quán xét về sự diệt tận... Đối với sự quán xét về sự từ bỏ... Đôi với sự quán xét vê sự đoạn tận... Đôi với sự quán xét vê sự biên hoại... Đôi với sự quán xét vê sự chuyên biên... Đôi với sự quán xét vê vô tướng... Đôi với sự quán xét về vô nguyện... Đối với sự quán xét về không tánh... Đối với sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ... Đối với sự biết và thấy đúng theo thực thể... Đoi với sự quán xét ve sự tai hại... Đoi với sự quán xét ve sự phân biệt rõ... Đối với sự quán xét về sự ly khai... (nt)... Đối với đạo Nhập lưu,... Đối với đạo Nhất lai,... Đối với đạo Bất lai,... Đối với đạo A-la-hán, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái ệi là phần cuối? Đôi với đạo A-la-hán, sự thanh tinh của việc thực hành là phân dâu, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, sự tự hài lòng là phần cuối. Sự thanh tinh của việc thực hành là phần đầu của đạo A-la-hán. Có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần đầu? Có ba tướng trạng thuộc về phần đầu:..(nt)...Đối với đạo A-la- hán sự thanh tinh của việc thực hành là phần đầu, ba tướng trạng này là thuộc về phần đầu, vì thế được nói rằng: "Đạo A-la-hán vừa là tốt đẹp ở phần đầu, vừa được thành tựu về tướng trạng." Đối với đạo A-la-hán, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, có bao nhiêu tướng trạng thuộc vê phần giữa? Có ba tướng trạng thuộc vê phần giữa: Hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tinh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tinh, dỉmg dưng đối với việc thiết lập nhát thê. Việc hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tịnh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tinh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể. Vì thế được nói rằng: "Đạo A-la-hán vừa là tốt đẹp ở phan giữa, vừa được thành tựu ve tướng trạng." Đối với đạo A-la-hán, sự tự hài lòng là phần cuối, có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần cuối? Có bốn tướng trạng thuộc về phần cuối: Có sự tự hài lòng đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, sự tự hài lòng đối với các quyền theo ý nghĩa nhất vị, sự tự hài lòng theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, sự tự hài lòng theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với đạo A-la-hán, sự tự hài lòng là phần cuối, bốn tướng trạng này là thuộc về phần cuối. Vì thế được nói rằng: "Đạo A-la-hán vừa là tót đẹp ở phan cuối, vừa được thành tựu ve tướng trạngy Như the, tâm đã đạt đen

ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về tầm, thành tựu về tứ, thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng đinh tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu ve tuệ. Hiện tướng, hơi vào ra Chăng phải cảnh một tâm, Người không biết ba pháp106 Tu tập không thành đạt. (1) 7

Hiện tướng, hơi vào ra Chăng phải cảnh một tâm, Vị nhận biết ba pháp Tu tập được thành công. (2) Ba pháp này không phải là đối tượng của một tâm, ba pháp này không phải là không được biết đến, tâm không đi đến tản mạn, sự nỗ lực được nhận biết, và [hành giả] hoàn tất việc thực hành, đạt đến sự chứng ngộ là [có ý nghĩa] thế nào? Cũng giống như thân cây được đặt nằm ở trên mặt đất bằng, một người đàn ông có thể cắt chính nó bằng cái cưa. Niệm của người đàn ông được thiết lập theo tác động của các răng cưa chạm vào thân cây mà không chú ý ở các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi. Các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi kh6ng phải là không được biết đến, sự nỗ lực được nhận biết, và [người ấy] hoàn tất nhiệm vụ. Thân cây được đặt nằm ở trên mặt đất bằng như thế nào, hiện tướng do sự gắn liền [của niệm] là như thế ấy. Các răng cưa là như thế nào, hơi thở vào hơi thở ra là như vậy. Như thế niệm của người đàn ông được thiết lập theo tác động của các răng cưa chạm vào thân cây mà không chú ý ở các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi. Các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi không phải là không được biết đến, sự nỗ lực được nhận biết, và [người ấy] hoàn tất nhiệm vụ. Tương tợ như thế, sau khi thiết lập niệm ở chóp mũi hoặc ở môi trên, vi Tỳ-khiru đang ngồi, không chú ý ở hơi thở vào ra, đên hoặc đi. Hơi thở vào ra, đến hoặc đi không phải là không được biết đến, sự nỗ lực được nhận biết, và [hành giả] hoàn tất việc thực hành, đạt đen sự chứng ngộ. Sự nỗ lực: Sự nỗ lực gì? Thân và tâm của vi khởi sự tinh tấn là thích hợp cho hành động; điều này là sự nỗ lực. Việc thực hành gì? Các tùy phiền não của vi khởi sự tinh tấn được dứt bỏ, các tầm được an tịnh; điều này là việc thực hành. Sự chứng ngộ gì? Các sự ràng buộc của vị khởi sự tinh tấn được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt; điều này là sự chứng ngộ. Ba pháp này không phải là đối tượng của một tâm, ba pháp này không phải là không được biết đến, tâm không đi đến tản mạn, sự nỗ lực được nhận biết, và [hành giả] hoàn tất việc thực hành, đạt đến sự chứng ngộ là [có ý nghĩa] như thế. Vị niệm hơi vào ra Tròn đủ, khéo tu tập, Tuần tự được tích lũy, Theo như lời Phật dạy, Tỏa sáng thế giới này, Tợ trăng thoát mây che. (3) Hơi thở vào: Là hơi vào không phải hơi ra. Hơi thở ra: Là hơi ra không phải hơi vào. Sự thiết lập qua phương tiện hơi thở vào là niệm, sự thiết lập qua

106 Ba pháp là hiện tướng, hơi thở vào, hơi thở ra. (ND)

phương tiện hơi thở ra là niệm. Niệm được thiêt lập đên vị thở vào, niệm được thiết láp đền vị thở ra. Tròn đủ: Được tròn đủ theo ý nghĩa nắm giữ, được tròn đủ theo ý nghĩa phụ trợ, được tròn đủ theo ý nghĩa hoàn bị. Khéo tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, là sự tu

tập các quyền theo ý nghĩa nhất vị, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn? là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với vị ấy, bốn ý nghĩa tu tập này là con thuyền đã được tạo lập, là nền tảng đã được tạo lập, đã được thiết lập, đã được tích lũy, đã được khởi sự vô cùng thanh tinh. Con thuyền đã được tạo lập: Vị ấy đạt được ưu thế, đạt được sức mạnh, đạt được sự tự tín ở bất cứ nơi đâu vị ấy mong muốn. Đối với vi ấy, các pháp ấy107 là đã được gắn bó với sự hướng tâm, đã được gắn bó với lòng mong muốn, đã được gắn bó với tác ý, đã được gắn bó với sự sanh lên của tâm. Vì thế được nói rằng: "Con thuyền đã được tạo lāp." Nen tảng đã được tạo lâp: Tâm đã được khẳng định chắc chắn ở nền tảng nào thì niệm được thiết lập tót đẹp ở nên tảng ấy. Hơn nữa, niệm đã được thiết lập tốt đẹp ở nền tảng nào thì tâm được khẳng định chắc chắn ở nền tảng ấy. Vì thế được nói rằng: "Nền tảng đã được tạo lập.55 Đã được thiết lập: Tâm hướng đến với điều nào thì niệm xoay vần với điều ấy, hoặc là niệm xoay vần với điêu nào thì tâm hướng đến với điều ấy. Vì thế được nói rang: "Đã được thiết lập y Đã được tích lũy: Đã được tích lũy theo ý nghĩa nắm giữ, đã được tích lũy theo ý nghĩa phụ trợ, đã được tròn đủ theo ý nghĩa hoàn bị. Trong khi nắm giữ nhờ vào niệm, vị ấy chiến thắng các pháp ác, bất thiện. Vì thế được nói rằng: "Đã được tích luý. Đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh: Đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh có bốn: Đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã sanh lên trong trường hợp ấy, đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh theo ý nghĩa nhất Vị đối với các quyền, đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn, tính chất loại trừ các phiền não đối nghịch với điều ấy là í4đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh.” Vô cùng thanh tinh: Có sự thanh tịnh, có sự vô cùng thanh tinh. Sự thanh tịnh là gì? Là các pháp thiện, không sai trái, dự phần vào giác ngộ đã sanh tại nơi ấy; điều này là sự thanh tịnh. Sự vô cùng thanh tịnh là gì? Là cảnh của chính các pháp ấy, tức là sự diệt tận Niết-bàn; điều này là sự vô cùng thanh tịnh. Như thế, sự thanh tịnh này và sự vô cùng thanh tịnh này đã được biết, đã được thấy, đã được biết đến, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Tinh tấn đã được khởi sự là không thối giảm, niệm đã được thiết lập là không bị hư hoại,

107 Các pháp ấy: chỉ tịnh và minh sát (PsA. II. 480).

thân đã được an tinh không bi trạng thái bực bội, tâm đã được định tĩnh có sự chuyên nhất. Vì thế được noi rằng. 'Vô cùng thanh tinh.” Được tuần tự tích lũy: Được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở vào dài, được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở ra dài. Được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm ve sau này do năng lực của hơi thở vào ngắn, được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở ra ngắn. ... (nt)... Được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở vào với việc quán xét về từ bỏ, được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở ra với việc quán xét về từ bỏ. Tất cả niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng không những đã được tích lũy qua lại lẫn nhau mà còn được tích lũy thêm nữa. Vì thế được nói rang: "Được tuần tự tích

lũyy Theo như: Có mười ý nghĩa của "theo nhu": Ý nghĩa của việc thuần hóa bản thân là ý nghĩa của "theo nhu", ý nghĩa của việc chỉ tịnh bản thân là ý nghĩa của "theo nhu", ý nghĩa của việc làm cho bản thân viên tịch Niết-bàn là ý nghĩa của "theo nhu”, ý nghĩa của việc biết rõ là ý nghĩa của "theo nhu”, ý nghĩa của việc biết toàn diện là ý nghĩa của "theo nhu", ý nghĩa của việc dứt bỏ là ý nghĩa của "theo nhu”, ý nghĩa của việc tu tập là ý nghĩa của "theo nhu", ý nghĩa của việc tác chứng là ý nghĩa của "theo nhu", ý nghĩa của sự lãnh hội chân lý là ý nghĩa của "theo nhu", ý nghĩa của người đã trụ vững trong sự diệt tận là ý nghĩa của "theo như.^, Phật: Chính vị ấy là đức Thế Tôn, vi Chúa Tể, vi không có thầy, đã tự mình chứng ngộ các sự thật về các pháp chưa từng được nghe, từ đó đã đạt được quả vị Toàn giác và bản thể khả năng về các lực. Phật: Phật theo ý nghĩa gì? "Vị đã giác ngộ các chân ly” là Phật, uyị giác ngộ dòng d6i” là Phật, bởi tính chất biết được tất cả là Phật, bởi tính chất thấy được tất cả là Phật, bởi tính chất không do người khác hướng dẫn là Phật, bởi sự rạng danh [về nhiều đức hạnh] là Phật, bởi đã được công nhận là có các lậu hoặc đã cạn kiệt là Phật, bởi đã được công nhận là thoát khỏi các tùy phiền não là Phật, hoàn toàn lìa khỏi tham ái là Phật, hoàn toàn lìa khỏi sân là Phật, hoàn toàn lìa khỏi si là Phật, hoàn toàn xa lìa phiền não là Phật, vị đã đi đạo lộ nhất thừa là Phật, một mình chứng ngộ quả vị Chánh đẳng giác tối thượng là Phật, bản thân đã trừ diệt sự không giác ngộ và thành đạt sự giác ngộ là Phật. Danh hiệu "Phát" không được định đặt bởi mẹ, không được định đặt bởi cha, không được đinh đặt bởi anh em trai, không được định đặt bởi chị em gái, không được đinh đặt bởi bạn bè thân hữu, không được định đặt bởi thân quyến cùng huyết thống, không được đinh đặt bởi các Sa-môn và Bà-la-môn, không được đinh đặt bởi chư thiên, sự quy định này liên quan đến điểm tận cùng của giải thoát từ sự thành đạt, từ sự tác chứng trí Toàn giác ở cội cây Bồ-đề của chư Phật Thế Tôn; điều ấy là 6Thạf,

PHÂN TÍCH ĐẠO 909

Đã được giảng dạy: "Theo nhu" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của việc thuần hóa bản thân là ý nghĩa của “theo nhu.” "Theo nhu" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của việc chỉ tịnh bản thân là ý nghĩa của “theo như.,, "Theo nhu" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của sự viên tịch Niết-bàn của bản thân là ý nghĩa của "theo nhu." ... (nt).. "Theo nhu” đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của người đã trụ vững trong sự diệt tận là ý nghĩa của "theo như.99 Vi ấy: Là người tại gia hoặc là vị đã xuất gia. Thê giói: Là thê giới của các uân5 thê giới của các giới, thê giới của các xứ, thế giới có sự bất hạnh, thế giới đem lại sự bất hạnh, thế giới có sự thuận lợi, the giới đem lại sự thuận lợi. Một the giới là tất cả chúng sanh được ton tại nhờ vật thực. ... (nt)... Mười tám thế giới là mười tám giới. Làm tỏa sáng: Do bản thân đã được chứng ngộ vê ý nghĩa của việc thuần hóa bản thân là ý nghĩa của “theo nhu” vị ấy làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng108 thế giới này. Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của việc chỉ tịnh bản thân là ý nghĩa của "theo nhu"; vị ấy làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng thế giới này. Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của sự viên tịch Niêt-bàn của bản thân là ý nghĩa của “theo nhu"; vị ây làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng the giới này. ... Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của người đã trụ vững trong sự diệt tận là ý nghĩa của "theo nhu"; vị ấy làm chói sáng, làm chiếu

sáng, làm tỏa sáng thế giới này. Tợ trăng thoát mây che: Đám mây che như thế nào, các phiền não là như thế. Mặt trăng như thế nào, trí của các bậc Thánh là như thế. Vi thiên tử có được mặt trăng như thế nào, vị Tỳ-khiru là như thế. Giống như mặt trăng được thoát ra khỏi đám mây, được thoát ra khỏi sương mù5 được thoát ra khỏi bụi khói, được hoàn toàn ra khỏi hiện tượng nguyệt thực thời chiếu sáng, rạng ngời và rực rỡ9 tương tợ y như thế, vi Tỳ-khưu được thoát ra khỏi toàn bộ phiền não thời chiếu sáng, rạng ngời và rực rỡ; vì thế được nói rằng: "Tợ trăng thoát mây che.” Đây là mười ba trí trong việc thanh lọc. Dứt phần giải thích về trí trong việc thanh lọc.

5. CÁC TRÍ VỀ VIỆC THỰC HÀNH NIỆM (Satokāriñānāni) Ba mươi hai trí gì về việc thực hành niệm? ở đây, vị Tỳ-khưu đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng, ngồi xuống, xếp chân thế kiết-gi giữ thân thẳng và thiết lập niệm luôn hiện diện. Có niệm vị ấy thở vào, có niệm vị ấy thở ra. Hoặc trong khi thở vào dài, vị ấy nhận biết: "T6i thở vào dài"; hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra dai." Hoặc trong khi thở vào ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi

108 Làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng là nghĩa theo thứ tự của các động từ obhãseti (áp dụng cho dục giới),Ạ bhāseti (áp dụng cho sắc giới), pabhāseti (áp dụng cho vô sắc giới) (PsA. I. 472). Ba động từ nay đêu có chung từ góc là ^bhas = chiếu sáng.

thở vào ngắn^,; hoặc trong khi thở ra ngắn, vi ấy nhận biết: "Tôi thở ra ngắn.” "Cảm giác toàn thân,109 tôi sẽ thở vSo" vi ấy tập, ucảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. "Làm cho an tịnh sự tạo tác của toàn thân, tôi sẽ thở vào^, vị ấy tập, Tàm cho an tịnh sự tạo tác của toàn thân, tôi sẽ thở ra” vị ấy tập. "Cảm giác hỷ?... (nt)... uCảm giác lạc,... (nt)... “Cm giác sự tạo tác của tâm,... (nt)... "Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm,... (nt)... "Cảm giác tâm,... (nt)... "Làm cho tâm được hân hoan,... (nt).. "Làm cho tâm được định tĩnh,... (nt).. "Làm cho tâm được giải thoát,... (nt)... "Quán xét vê vô thường,... (nt)... "Quán xét vê ly tham,... (nt)... "Quán xét về diệt tận5... (nt)... "Quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở vào" vi ấy tập, "quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập. ở đây: ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở khuynh hướng này, ở sự chọn lọc này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở học thuyết này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư; vì the được nói rang: ÍCở day." Vi Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khưu là phàm nhân hoàn thiện, hoặc là Hữu học, hoặc là A-la-hán có pháp không thể thay đổi. Khu rừng: Sau khi đi ra khỏi bên ngoài cọc ranh, toàn bộ khoảng [đất] ấy là khu rừng. Gốc cây: ở nơi nào chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu được sắp xếp, là giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc tấm đệm ngồi, hoặc mảnh da thú, hoặc thảm cỏ? hoặc thảm lá, hoặc thảm rơm, và vị Tỳ-khưu đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm xuống ở tại nơi ấy. Thanh văng: Không bị lai vãng bởi bát cứ ai, bởi những người tại gia hoặc bởi các vị xuất gia. Noi: Là tru xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. Ngồi xuống, xếp chân thế kiết-già: Là vị đã ngồi xuống, đã xếp chân thế kiết-già. Giữ thân thẳng: Thân được duy trì được bố trí ngay thẳng. Thiết lập niệm luôn hiện diện: "Luôn" theo ý nghĩa nắm giữ, "hiện dien^ theo ý nghĩa dẫn xuất, uniệmw theo ý nghĩa thiết lập; vì thế được nói rằng: "Thiết lập niệm luôn hiện diện.,^ Có niệm vi ấy thở vào, có niêm v| ấy thử ra: Là n^ười thực hành có

niệm theo ba mươi hai phương thức: Đoi với vi đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào ngắn, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm.

109 “Trong khi làm cho được biết rõ, trong khi làm cho rõ rệt phần đầu, giữa, cuối của toàn bộ hơi thở vào, tôi se thở vAo" vị ấy tạp (PsA. II. 491).

PHÂN TÍCH ĐẠO 911

... (nt).. Đôi với vị đang nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm có sự quán xét ve từ bỏ nhờ tác động của hơi thở vào,... (nt)... có sự quán xét ve từ bỏ nhờ tác động của hơi thở ra, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm. Trong khi thở vào dài, vị ấy nhận biết: "T6i thở vào dai,9; hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra dài" là [có ý nghĩa] thế nào? Vị ấy thở vào hơi thở vào dài trong thời gian được công nhận là lâu, vị ấy thở ra hơi thở ra dài trong thời gian được công nhận là lâu, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài trong thời gian được công nhận là lâu, đối với vi đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài trong thời gian được công nhận là lâu, có ước muốn sanh lên. Do tác động của ước muốn, vị ấy thở vào hơi thở vào dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của ước muốn, vi ấy thở ra hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của ước muốn, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của ước muốn, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu, có hân hoan sanh lên. Do tác động của hân hoan, vi ấy thở vào hơi thở vào dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của hân hoan, vị ấy thở ra hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của hân hoan, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu, tâm ly khai hơi thở vào hơi thở ra dài và trạng thái xả được thành lập. Theo chín phương thức này, hơi thở vào hơi thở ra dài là thân, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí áy, vi ấy quán xét thân ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân.,, Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ỵ nghĩa] thế nào? Quán xét về vô thương, không phải về thường; quán xét về khổ não, không phải về lạc; quán xét về vô ngã, không phải về ngã; nhàm chán, không vui thích; ly tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét về vô thường, [vị ấy] dứt bỏ thường tưởng; trong khi quán xét về khổ não, [vi ấy] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi quán xét vê vô ngã, [vi ấy] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm

chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ải, [vi ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ; quán xét thân ẩy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu táp: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, là sự tu tập các quyền theo ý nghĩa

nhất vi, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn? là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đôi với vi đang nhận biết sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra dài, các thọ sanh lên được biết đến, [các thọ] thiết lập được biết đến, [các thọ] đi đến biến hoại được biết đến, các tưởng sanh lên được biết đến, [các tưởng] thiết lập được biết đến, [các tưởng] đi đến biến hoại được biết đến, các tầm sanh lên được biết đến, [các tầm] thiết lập được biết đến, [các tầm] đi đến biến hoại được biết đen. Các thọ sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của thọ được biêt đên theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của thọ?9 Sự sanh lên của thọ được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của thẹ)",... (nt)... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh . Zthẹ)",... (nt).. "Do sự sanh khởi của xúc, có sự sanh khởi của khởi của e v th r " đối với vị nhìn thây tướng trạng của sự tái tạo, sự sanh lên của thọ được biêt đên. Sự sanh lên của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] như thế. Sự thiết lập của thọ được biết đến là [có ỷ nghĩa] thế nào? Đối với vi đang tác y về vô thường, sự thiết lập của đoạn tận được biết đen; đoi với vi đang tác ý ve khổ não, sự thiết lập của kinh hãi được biết đến; đối với vị đang tác ý về vo ngã, sự thiết lập của không tánh được biết đến. Sự thiết lập của thọ được biết đến là [cố ý nghía] như thế. Sự biến mất của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự biến mất của thọ được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của thọ.59 Sự biến mất của thọ được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thQ",... (nt)... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của thọ9\... (nt)... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của thq"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự chuyển biến, sự biến mất của thọ được biết đen. Sự biến mất của thọ được biết đen là [có ý nghĩa] như thế. Các thọ sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] như thế. Các tưcnig sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của tưởng được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của tưởng." Sự sanh lên của tưởng được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khỏd của ái, có sự sanh khởi của tưởng",...(nt)... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của tưởng",...(nt).. "Do sự sanh khởi của xúc, có sự sanh khởi của tưởng,,; đối vód vị nhìn thấy tướng trạng của sự tái tạo, sự sanh lên của tưởng được biết đến. Sự sanh lên của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự thiết lập của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang tác ý về vô thương, sự thiết lập của đoạn tận được biêt đến; đối với vị dang tác ý về khổ não, sự thiết lập của kinh hãi được biết đến; đối với vi đang tác ý ve vô ngã, sự thiết lập của không tánh được biêt đên. Sự thiết lập của tưởng được biết đến la [có ý nghĩa] như thế. Sự biến mất của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự biến mất của tưởng được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của tưởng.^^ Sự biến mất của tưởng được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của tưởng",... (nt).. "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của tưởng',...(nt).. "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của tưởng^,; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự chuyển biến, sự biến mất của tưởng được biết đến. Sự biến mất của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] như thế. Các tưởTLg sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] như thế. Các tầm sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của các tầm được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của tầm.,, Sự sanh lên của các tầm được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của ái9 có sự sanh khởi của tầm^... (nt)... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của (nt)...“Do sự sanh khởi của tưởng, có sự sanh khởi của lầm"; đối với vi nhìn thấy tướng trạng của sự tái tạo, sự sanh lên của các tầm được biết đến. Sự sanh lên của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] như thế. Sự thiết lập của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vi đang tác ý về vô thường, sự thiết lập của đoạn tận được biết đến; đối với vi đang tác ý về khổ não, sự thiết lập của kinh hãi được biết đến; đối với vị đang tác ý về vô nệã, sự thiết lập của không tánh được biết đến. Sự thiết lập của các tầm được biêt đến là [có y nghĩa] như thế. Sự biến mất của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự biến mất của các tầm được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của VÔ minh, có sự diệt tận của tâm.” Sự biên mát của các tâm được biêt đên theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của tầm",... (nt).. "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của (nt)... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của tâm^^; đôi với vị nhìn thây tướng trạng của sự chuyên biến, sự biến mất của các tàm được biết đến. Sự biến mất của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] như thế. Các tầm sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] như the. Trong khi nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động

của hơi thở vào hơi thở ra dài, [vi ấy] liên kết các quyền, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh. ... (nt)... [vị áy] liên kết các lực,... (nt)... các giác chi,... (nt)... đạo,... (nt)... các pháp, nhận biêt hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh. Liên kết các quyền: Liên kết các quyền là [có y nghĩa] thế nào? Liên kết tín quyền theo ý nghĩa cương quyet, liên két tân quyên theo ý nghĩa ra sức, liên kết niệm quyền theo ý nẹhĩa thiết lập, liên kết đinh quyền theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết tuệ quyên theo ý

nghĩa nhận thức; vì thế được nói rằng: “Liên kết các quyền.” Nhận biết hành xứ: Điều nào là đối tượng của vi ấy, điều ấy là hành xứ của vị ấy; điều nào là hành xứ của vi ấy, điều ấy là đối tượng của vi ấy. Nhận biết: Là người [nhận biết]; sự nhận biêt là tuệ. Thanh tỉnh: Sự thiết lập đối tượng là thanh tịnh, sự không tản mạn của tâm là thanh tinh, sự khẳng định của tâm là thanh tinh, sự thanh lọc của tâm là thanh tịnh. Ý nghĩa: Ý nghĩa không sai trái, ý nghĩa xa lìa phiền não, ý nghĩa thanh lọc, ý nghĩa tối thắng. Thấu triệt: Thau triệt ý nghĩa thiết lập đối tượng, thấu triệt ý nghĩa không tản mạn của tâm, thấu triệt ý nghĩa khẳng định của tâm, thấu triệt ý nghĩa thanh lọc của tâm; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh.,, Liên kết các lực: Liên kết các lực là [có ý nghĩa] thế nao? Liên kết tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin, liên kết tấn lực theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác, liên kết niệm lực theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung, liên két định lực theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật, liên kết tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt. Ngu&i này liên kết các lực này trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên két các Iịtc." Nhận biết hành xứ:... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tjnh." Liên kết các giác chi: Liên kết các giác chi là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập, liên kết trạch pháp giác chi theo ý nghĩa suy xét, liên kết cần giác chi theo ý nghĩa ra sức, liên kết hỷ giác chi theo ý nghĩa lan tỏa, liên kết tịnh giác chi theo ý nghĩa an tinh, liên kết đinh giác chi theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ. Người này liên kết các giác chi này trong đối tượng này; vì thế được nói răng: "Liên kết các giác chi." Nhận biết hành xứ: ... (nt)...; vì thế được nói rằng: “Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh?9 Liên kết đạo: Liên kết đạo là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, liên kết chánh tư duy theo ý nghía gắn chặt [tâm vào cảnh], liên kết chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, liên két chánh nghiệp theo ý nghĩa nguôn sanh khởi, liên két chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, liên két chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, liên kết chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, liên kết chánh định theo ý nghĩa không tản mạn; người này liên kết đạo này

PHÂNTÍCHĐẠO< 915

trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên kết dạo." Nhận biết hành xứ: ... (nt)...; vì the được nói rằng: uVà thấu triệt ý nghĩa của thanh tjnh." Liên kết các pháp: Liên kết các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết các quyền theo ý nghĩa pháp chủ đạo, liên kết các lực theo ý nghĩa không dao động, liên kết các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồij, liên kết đạo theo ý nghĩa chủng tử, liên kết sự thiết lập niệm theo y nghĩa thiết lập, liên kết chánh can theo ý nghĩa nỗ lực, liên kết nền tảng của than thông theo ý nghĩa thành tựu, liên kết chân lý theo ý nghĩa của thực thể, liên kết chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết minh sát theo ý nghĩa quán xét, liên kết chỉ tinh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị, liên kết sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt trội, liên kết giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, liên kết tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết kiến thanh tinh theo ý nghĩa nhận thức, liên kết sự phóng thích theo ý nghĩa được giải thoát, liên kết minh theo ý nghĩa thấu triệt, liên kết sự giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ, liên kết trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ, liên kết

trí về vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng, liên kết ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội, liên kết tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, liên kết xúc theo ý nghĩa liên kết, liên kết thọ theo ý nghĩa hội tụ, liên kết định theo ý nghĩa dẫn đầu, liên kết niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo, liên két tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, liên kết sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi, liên kết Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc; n^ười này liên kết các pháp này trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên kết các ph
Nhận biết hành xứ: Điêu gì là đôi tượng của vị ây, điêu ây là hành xứ của vị ấy; điều gì là hành xứ của vị ấy, điều ấy là đối tượng của vị ấy. Nhận biết: Là người [nhận biết]; sự nhận biết là tuệ. Thanh tinh: Sự thiết lập đối tượng là thanh tịnh, sự không tản mạn của tâm là thanh tinh, sự khẳng định của tâm là thanh tịnh, sự thanh lọc của tâm là thanh tinh. Ý nghĩa: Ý nghĩa không sai trái, ỳ nghĩa xa lìa phiền não, y nghĩa thanh lọc, ý nghĩa tối thắng. Thấu triệt: Thau triệt ý nghĩa thiết lập đoi tượng, thấu triệt ý nghĩa không tản mạn của tâm, thấu triệt ý nghĩa khẳng đinh của tâm, thấu triệt ý nghĩa thanh lọc của tâm; vì the được nói rang: “Và thau triệt ý nghĩa của thanh tịnh.,, (1) Trong khi thở vào ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở vào ngắn,,; trong khi thở ra ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra ngắn" là [có ý nghĩa] thế nào? Vị ấy thở vào hơi thở vào ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi. Vị ấy thở ra hơi thở ra ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi. Vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngan trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi. Đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi, có ước muốn sanh lên. Do tác động của ước muốn, vi ấy thở vào hơi thở vào ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngăn ngủi; do tác động của ước muôn, vị ấy

thở ra hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của ước muốn, vi ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của ước muốn, đối với vi đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi, có hân hoan sanh lên. Do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào hơi thở vào ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của hân hoan, vị ấy thở ra hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của hân hoan, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi, tâm ly khai hơi thở vào hơi thở ra ngắn, có trạng thái xả được thành lập. ỉ ỉ

Theo chín phương thức này, hơi thở vào hơi thở ra ngăn là thân, sự thiêt lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lậẸ vừa là niệm; với niệm ấy với trí ấy, vị ấy quán xét thân ấy; vì thế được nói rang: "Việc tu tập sự thiết lập niệm ve quán xét thân trên thân.,, Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý

nệhĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bon sự tu tập:... (ní)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đôi với vị đang nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra ngắn, các thọ sanh lên được biết đến,...(nt)... Trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra ngắn, [vị ấy] liên kết các quyền,... (nt)... vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tjnh."(2) "Cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác toàn thân tôi sẽ thở ra" vi ấy tạp, là [có ý nghĩa] thế nào? Thân: Có hai loại thân: Thân của danh và thân của sắc. Thân của danh là gì? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, danh và thân của danh, và những gì được gọi là các sự tạo tác của tâm; đây là thân của danh. Thân của sắc là gì? Tứ đai110 và sắc nương vào tứ dại, hơi thở vào, hơi thở ra và hiện tướng do sự gắn liền [của niệm], và những gì được gọi là các sự tạo tác của thân; đây là thân của sắc. Các thân ây được cảm nhận là [có ý nghĩa] thê nào? Đôi với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vi đang nhận biêt sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào ngắn, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của

110 Tứ đại (cattāro mahābhūtā) ỉa các yếu tố đất, nước, lửa, gió (PsA. II. 515).

tâm nhờ tác động của hơi thở ra ngắn, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vi đang hướng tâm, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận biết, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận thức, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang quán xét lại, các thân ấy được cảm nhận; đoi với vị đang khăng định tâm, các thân áy được cảm nhận; đôi với vị đang có khuynh hướng về đức tin, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nắm giữ tinh tấn, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang thiết lập niệm, các thân ấy được cảm nhận; đối với vi đang tập trung tâm, các thân ấy được cảm nhận; đoi với vị đang nhận biết bằng tuệ, các thân áy được cảm nhận; đôi với vị đang biết rõ các pháp cần được biết rõ, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị dang biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện, các thân ấy được cảm nhận; đoi với vị đang dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang tu tập các pháp cần được tu tập, các thân ấy được cảm nhận; đối với vi đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, các thân ấy được cảm nhận; các thân ấy được cảm nhận là như vậy. Cảm giác toàn thân, hơi thở vào hơi thở ra là thân, sự thiêt lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ây, vị ây quán xét thân ây; vì thê được nói răng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thai" Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt).. là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Cảm giác toàn thân đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, là tâm

thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, là kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức. Trong trường hợp ấy ý nghĩa thu thúc là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp ấy ý nghĩa không tản mạn là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp ấy ý nghĩa nhận thức là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này vị ấy tập, trong khi nhận biết vị ấy tập, trong khi nhận thức vị ấy tập, trong khi quán xét lại vị ấy tập, trong khi khẳng định tâm vi ấy tập, trong khi có khuynh hướng về đức tin vi ấy tập, trong khi nắm giữ tinh tấn vị ấy tập, trong khi thiết lập niệm vị ấy tập, trong khi tập trung tâm vị ấy tập, trong khi nhận biết bằng tuệ vị ấy tập, trong khi biết rõ các pháp cần được biết rõ vị ấy tập, trong khi biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện vi ấy tập, trong khi dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ vị ấy tập, trong khi tu tập các pháp cần được tu tập vị ấy tập, trong khi tác chứng các pháp cần được tác chứng vị ấy tập. Cảm giác toàn thân, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, các thọ sanh lên được biết đến,... (nt)... Cảm giác toàn thân, trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, [vị áy] liên kết các quyền,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh?9 (3)

"Làm cho an tinh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "làm cho an tinh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập, là [có ý nghĩa] thế nào? Sự tạo tác của thân là [có ý nghĩa] thế nào? Các hơi thở vào dài là thuộc về thân, các pháp này được gắn bó với thân, là các sự tạo tác của thân; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của thân ấy, vị ấy tập. Các hơi thở ra dài là thuộc về thân, các pháp này được gắn bó với thân, là các sự tạo tác của thân; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của thân ấy, vị ấy tập. Các hơi thở vào ngắn... (nt}.. Các hơi thở vào dài... (nt).. Cảm giác toàn thân, các hơi thở vào là thuộc về thân... Cảm giác toàn thân, các hơi thở ra là thuộc về thân... (nt)... các pháp này được gan bó với thân, là các sự tạo tác của thân; trong khi làm cho an tinh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của thân ấy, vị ấy tập. Với các sự tạo tác của thân có hình thức như là sự ngã lui, sự nghiêng hai bên, sự nghiêng ngả, sự ngãi tới, sự loạn động, sự rung động, sự chao động, sự chuyển động của thân, vị ây tập như vây: "Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào”vị ấy tập như vầy: "Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra?9 Với các sự tạo tác của thân có hình thức như là không có sự ngã lui, không có sự nghiêng hai bên, không có sự nghiêng ngả, không có sự ngã tới, sự không loạn động, sự không rúng động, sự không chao động, sự không chuyển động, sự an tịnh, sự nhu thuận của thân, vi ấy táp như vầy: í4Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào", vị ấy tập như vay: uLàm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra." Như vậy là nói rằng: uLàm cho an tinh sự tạo tác của thân, toi sẽ thở vào" vi ấy tập; làm cho an tịnh sự tạo tác của than, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Khi an tịnh như thế, không có sự tạo ra việc nhận biết làn hơi gió, không có sự tạo ra hơi thở vào hơi thở ra, không có sự tạo ra niệm về hơi thở vào hơi thở ra, không có sự tạo ra định của hơi thở vào hơi thở ra, và các bậc trí cũng không nhập vào và cũng không xuất ra khỏi chính sự chứng đạt ấy. Như vậy là nói rằng: "Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ

thở vào" vị ấy tập; ulàm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập. Khi an tịnh như vậy, có sự tạo ra việc tiếp cận làn hơi gió, có sự tạo ra hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo ra niệm về hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo ra định của hơi thở vào hơi tỊiở ra, và các bậc trí cũng thể nhập vào và cũng xuất ra khỏi chính sự chứng đạt ấy. Như thế là [có ý nghĩa] thế nào? Cũng giống như khi tiếng cồng được đánh lên, trước tiên có các âm thanh thô tháo vận hành; hiện tướng của các âm thanh thô tháo là có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi âm thanh thô tháo chấm dứt, tiếp theo đó có các âm thanh êm dịu vận hành; hiện tướng của các âm thanh êm dịu có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi âm thanh êm diu chấm dứt, tiếp theo đó có tâm vận hành do có hiện tướng của âm thanh êm dịu là đối tượng. Tương tợ như thế, trước tiên có các hơi thở vào hơi thở ra thô tháo vận hành; hiện tướng của các

hơi thở vào hơi thở ra thô tháo là có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu y, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi các hơi thở vào hơi thở ra thô tháo chấm dứt, tiếp theo đó có các hơi thở vào hơi thở ra êm diu vận hành; hiện tướng của các hơi thở vào hơi thở ra êm dịu là có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi các hơi thở vào hơi thở ra êm dịu chấm dứt, tiếp theo đó tâm không đi đến tản mạn do có hiện tướng hơi thở vào hơi thở ra êm dịu là đối tượng. Khi an tịnh như vậy, có sự tạo ra việc tiếp cận làn hơi gió, có sự tạo ra hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo thành niệm về hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo ra định của hơi thở vào hơi thở ra, và các bậc trí cũng thể nhập vào và cũng xuất ra khỏi chính sự chứng đạt ấy. A Làm cho an tịnh • sự tạo tác của thân, các hơi e -r thở vào hơi thở ra là thân, sự. thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập kh6ng phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ây, với trí ấy, vi ây quán xét thân ấy; vì thế được nói rang: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thāīi.95 Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý nghía] thế nào? ... (nt)... Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập:... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, là kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức. Trong trường hợp ấy ý nghĩa thu thúc là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp ấy ý nghĩa không tản mạn là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp ấy ý nghĩa nhận thức là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đên ba sự học tập này vi ấy tập,... (nt)...; trong khi tác chứng các pháp cần được tác chứng vi ấy tập. Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, thọ sanh lên được biết dến,...(nt).. Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra [vị ấy] liên kết các quyền,...(lít)... vì thế được nói rằng: uVà thấu triệt ý nghĩa cua thanh tjnh."(4) Tám trí vê quán xét, tám tùy niệm vê sự thiêt lập, và bôn nên tảng thuộc Kinh về việc quan xét thân trên thân. Nhóm bốn thứ nhất uCảm giác hỷ? tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, ucảm giác hỷ, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập là [có y nghĩa] thế

nào? Hỷ là gì? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, hỷ và hân hoan sanh lên. Hỷ là sự hân hoan, là sự hoan hỷ, là sự thích thú, là sự vui mừng, là sự mừng rỡ, là sự phấn khởi, là sự thỏa thích của tâm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra (nt)... nhờ tác động của hơi thở vào

ngăn,... (nt)... nhờ tác động của hơi thở ra ngăn,... (nt)...Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra... (nt)...Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra, hỷ và hân hoan sanh lên. Hỷ là sự hân hoan, là sự hoan hỷ, là sự thích thú, là sự vui mừng, là sự mừng rỡ, là sự phấn khởi, là sự thỏa thích của tâm, điều này là hỷ. Hỷ ấy được cảm nhận thế nào? Đối với vi đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, hỷ ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài... (nt)... nhờ tác động của hơi thở vào ngan... (îìt).. nhờ tác động của hơi thở ra ngắn... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra... (nt)... Làm cho an tinh sự tạo tác của thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, hỷ ấy được cảm nhận. Đối với vị đang hướng tâm, hỷ ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận biết... (nt)... đối với vị đang nhận thức... (nt)... đối với vị đang quán xét lại... (nt).. đối với vị đang khẳng định tâm... (nt)... đối với vi đang có khuynh hướng về đức tin... (nt).. đối với vị đang nắm giữ tinh tấn... (nt)... đối với vị đang thiết lập niệm... (nt)... đối với vị đang tập trung 1âm... (nt).. đôi với vị đang nhận biêt băng tuệ... (ní)... đối với vị đang biết rõ các pháp cân được biêt rõ... (nt)... đôi với vị đang biêt toàn diện các pháp cần được biết toàn diện... (nt)... đoi với vị đang dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ... (nt).. đối với vị đang tu tập các pháp cần được tu tập... (nt)... đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, hỷ ấy được cảm nhận. Hỷ ấy được cảm nhận là như vậy. Cảm giác hỷ nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ây, với trí ây, vị ây quán xét thọ ây; vì thê được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ?9 Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nẹhĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bôn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Cảm giác hỷ đối với hơi thở vào hơi thở ra là gi&i thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác hỷ, đôi với vị nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vi ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: “Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh. (1) "Cảm giác lạc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác lạc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có y nghĩa] thế nào? 5 Lạc: Có hai loại lạc: Lạc thuộc thân và lạc thuộc tâm. Lạc gì thuộc thân? Điều gì thoải mái thuộc thân là lạc thuộc thân, sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm

của thân là lạc được cảm thọ, do sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm của thân là lạc thọ; điều này là lạc thuộc thân. Lạc gì thuộc tâm? Điều gì thoải mái thuộc tâm là lạc thuộc tâm. sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm của ý là lạc được cảm thọ, do sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm của ý là lạc thọ; điều này là lạc thuộc tâm. Các lạc ấy được cảm nhận thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài5 niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các lạc ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các lạc ấy được cảm nhận. ... (nt)...; đối với vi đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, các lạc ấy được cảm nhận. Các lạc ấy được cảm nhận là như vậy. Cảm giác lạc nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiêt lập vừa là niệm; với niệm ây, với trí ây, vi ây quán xét thọ ây; vì thê được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thQ." Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt).. là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Cảm giác lạc đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác lạc, đoi với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: uVà thấu triệt ý nghĩa của thanh tjnh."(2) uCảm giác sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở vo” vị ấy tập, ucảm giác sự tạo tác của tâm, toi sẽ thở ra" vi ấy tập là [có ý nghĩa] thế nao? Sự tạo tác của tâm là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm. Nhờ tác động của hơi thở ra dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm. ... (nt)... Cảm giác lạc nhờ tác động của hơi thở vào... (nt).. Cảm giác lạc nhờ tác động của hơi thở ra là tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gan bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm. Đây là sự tạo tác của tâm. Các sự tạo tác của tâm ây được cảm nhận thê nào? Đôi với vi đang nhận biêt sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận. Đối với vi đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài? niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận. ... (nt)... đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận. Các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận là như vậy.

Cảm giác sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy với trí ấy, vị ấy quán xét thọ ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thQ.“ Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩaị thế nào? Quán xét là vô thường... (nt).. quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa]

như the. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt).. là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Cảm giác sự tạo tác của tâm đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác sự tạo tác của tâm, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: “Và thấu triệt ý nghĩa cua thanh tinh.,, (3) "Làm an tịnh sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở vào" vị ây tập, Tàm an tinh sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] the nào? Sự tạo tác của tâm là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm,...(nt).. Nhờ tác động của hơi thở ra dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm, các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của tâm ấy, vị ấy tập. Cảm giác sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở ra là tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được găn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của tâm ấy, vị ấy tập. Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa la sự thiêt lập vừa la niêm; vơi niêm áy, vơi trí ây, vị ây quán xét thọ ấy; vì the được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm ve quán xét thọ trên cắc Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩaỊ thế nào? Quán xét là vô thường... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như the. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt).. Làm cho an tinh sự tạo tác của tâm, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác độnệ của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt).. trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyên; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh/9 (4) Tám trí về quán xét, tám tùy niệm về sự thiết lập và bốn nền tảng thuộc Kinh về việc quán xét thọ trên các thọ. Nhóm bốn thứ nhì. uCảm giác tâm, toi sẽ thở vào95 vi ấy tập, "cảm giác tâm, tôi sẽ thở ra59 vị ấy tập là [có y nghĩa] thế nào?

PHÂN TÍCH ĐẠO 923

Tâm ấy là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài9 có sự nhận thức là tâm. Tam tức là ý9 là tinh thần, là tim, là sắc trắng, là ý xứ, là ý quyền, là thức, là thức uẩn, là ý thức giới sanh ra từ điều ấy. Nhờ tác động của hơi thở ra dài?... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào,...(nt)... Làm cho an tinh sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở ra có sự nhận thức là tâm. Tâm tức là ý? là tinh thần, là tim, là sắc trắng, là ý xứ, là ý quyền, là thức, là thức uẩn, là ý thức giới sanh ra tư điều ấy; điều này là tâm. Tâm ây được cảm nhận thê nào? Đôi với vi đang nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, tâm ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, tâm ấy được cảm nhận. ... (nt)...; đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, tâm ấy được cảm nhận. Tâm ấy được cảm nhận là như vậy. Cảm giác tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, có sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét tâm trèn

ní" Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nghía] thế nào? ... (nt)... Quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập:... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Cảm giác tâm đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tinh theo ý nghĩa thu thúc,...(nt)... Cảm giác tâm, đối với vị nhận biêt sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tinh. (l) "Làm cho tâm được hân hoan, tôi sẽ thở vo" vị ây tập, Tàm cho tâm được hân hoan, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào? Sự hân hoan của tâm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vi đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, sự hân hoan của tâm sanh lên; điều nào là sự hoan hỷ, sự thích thú, sự vui mừng, sự mừng rỡ, sự phấn khởi của tâm là sự thỏa thích của tâm. Đối với vi đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, sự hân hoan của tâm sanh lên; điều nào là sự hoan hỷ, sự thích thú, sự vui mừng, sự mừng rỡ, sự phấn khởi của tâm là sự thỏa thích của tâm. ... (nt).. Cảm giác tâm nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác tâm nhờ tác động của hơi thở ra, sự hân hoan của tâm sanh lên; điều nào là sự hoan hỷ, sự thích thú, sự vui mừng, sự mừng rỡ, sự phấn khởi của tâm là sự thỏa thích của tâm; điều này là sự hân hoan của tâm. Làm cho tâm được hân hoan nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, có sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, tâm là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí

ấy, vị ấy quán xét tâm ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm ve quán xét tâm trên tâm. Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nệhĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bon sự tu tập:... (nt).. là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho tâm được hân hoan đối với các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tinh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Làm cho tâm được hân hoan, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Va thau triệt y nghĩa của thanh t(2) “Làm cho tâm được định tĩnh, tôi sẽ thở vo” vi ấy tập, Tàm cho tâm được định tĩnh, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào? Định là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là đinh; điều nào là sự đứng vững, sự an trụ, sự vững vàng, sự không tán loạn, sự không tản mạn của tâm, trạng thái của ý không bi tán loạn, sự chỉ tinh, đinh quyền, đinh lực, chánh đinh. Nhờ tác động của hơi thở ra dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là đinh,... (nt)... Làm cho tâm được định tĩnh nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Làm cho tâm được đinh tĩnh, nhờ tác động của hơi thở ra sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định; điều nào là sự đứng vững, sự an trụ, sự vững vàng, sự không tán loạn, sự không tản mạn của tâm, trạng thái của ý không bi tán loạn, sự chỉ tinh, định quyền, định lực, chánh định; điều ấy là định. Làm cho tâm được định tĩnh nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, tâm là sự thiết lập không J)hải là niệm; niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị áy quán xét tâm ấy; vì thế được nói rang: "Việc tu tập sự thiết lập niệm ve quán xét tâm trên

tâm.9 Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nghía] thế nào? ... (nt)... quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bôn sự tu tập:... (nt).. là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho tâm được định tĩnh của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt). Làm cho tâm được định tĩnh, đối với vị nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác độnẹ của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: “Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tjnh."(3) "Làm cho tâm được giải thoát, tôi sẽ thở vào,, vị ây tập, "làm cho tâm được giải thoát, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào? "Làm cho tâm được giải thoát khỏi tham ái, tôi sẽ thở vào” vi ấy tập; Tàm cho tâm được giải thoát khỏi tham ái, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập; TAm cho tâm được giải thoát khỏi sân hận, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi sân hận, tôi sẽ thở ra' vị ấy tập; Tm cho tâm được giải thoát khỏi si mê... khỏi ngã mạn... khỏi kiến... khỏi hoài nghi... khỏi sự lờ đờ... khỏi sự

PHÂN TÍCH ĐẠO 925

phóng dật... khỏi sự hổ thẹn [tội lỗi]... Tàm cho tâm được giải thoát khỏi sự ghê sợ [tội lỗi], tôi sẽ thở vào” vi ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi sự ghê sợ [tội lỗi], tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Làm cho tâm được giải thoát nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, có sự nhận thức là tâm, sự thiêt lập là niệm,... (nt).. Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nẹhĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bôn sự tu tập:... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho tâm được giải thoát đôi với các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tinh theo ý nghĩa thu thúc,...(nt).. Làm cho tâm được giải thoát, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra?... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: '"Va thau triệt y nghĩa của thanh tịnh.^^ (4) Tám trí vê quán xét, tám tùy niệm vê sự thiêt lập, và bôn nên tảng thuộc Kinh về việc quán xét tâm trên tâm. Nhóm bốn thứ ba. "Quán xét về vô thường, tôi sẽ thở yào" vị ấy tập, "quán xét về vô thường, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào? Vô thường: Cái gì là vô thường? Năm uẩn là vô thường. Vô thường theo ý nghĩa gì? Vô thường với ý nghĩa sanh diệt. Đối với năm uẩn, trong khi nhìn thấy sự sanh [hành giả] nhìn thấy bao nhiêu tướng trạng, trong khi nhìn thấy sự diệt [hành giả] nhìn thấy bao nhiêu tướng trạng, trong khi nhìn thấy sự sanh diệt [hành giả] nhìn thấy bao nhiêu tướng trạng? Đối với năm uẩn, trong khi nhìn thấy sự sanh [hành giả] nhìn thấy hai mươi lăm tướng trạnẹ, trong khi nhìn thấy sự diệt [hành giả] nhìn thấy hai mươi lăm tướng trạng; đôi với năm uân, trong khi nhìn thấy sự sanh diệt [hành giả] nhìn thấy năm mươi tướng trạng này. "Quán xét về vô thường ở sắc, tôi sẽ thở váp" vị ấy tập, “quán xét về vô thường ở sắc, tôi sẽ thở ra” vị ấy tập. "Quán xét về vô thường ở thọ,... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét ve vô thường ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập. Quán xét về vô thường nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, các pháp là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiêt lập vừa là niệm; với niệm ây, với trí ây, vi ấy quán xét các pháp ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp.^, Quán xét: Quán xét các pháp ây là [có ý nghĩa] thê nào? ... (nt)... quán xét các pháp ấy là

[có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Quán xét về vô thường của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,...(nt).. Quán xét về vô thường, đối với vi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)...

trong khi nhận biêt [vị áy] liên két các quyên; vì thê được nói răng: í6Và thâu triệt ý nghĩa của thanh tinh?5 (1) "Quán xét về ly tham, tôi sẽ thở vSo" vị ấy tập, "quán xét về ly tham, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào? Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, co ước muốn sanh lên về ly tham ở sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về ly tham ở sắc, tôi sẽ thở vào" vj ấy tập, "quán xét về ly tham ở sắc, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập. Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, có ước muốn sanh lên về việc ly tham khỏi sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vi ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về ly tham ở thọ,... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, tôi sẽ thở vào,9 vị ấy tập, "quán xét về ly tham ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Quán xét về ly tham nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp." Quán xét: Quán xét các pháp ây là [có ý nghĩa] thê nào? ... (nt)... quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập:... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Quán xét về ly tham của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ỷ nghĩa thu thúc,...(nt).. Quán xét vê ly tham, đôi với vị nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: uVà thấu triệt ý nghĩa của thanh (2) "Quán xét về diệt tận, tôi sẽ thở vo" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận, tôi sẽ thở r/ vi ấy tập là [có y nghĩa] thế nào? Sau khi nhìn thây sự tai hại ở sác, có ước muôn sanh lên vê sự diệt tận ở sác, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở sắc, tôi sẽ thở vQo" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở sắc, toi sẽ thở ra" vị ấy tập. Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, có ước muốn sanh lên về sự diệt tận ở sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở thọ,... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ây tập. Tai hại ở vô minh là với bao nhiêu biểu hiện? Vô minh được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? Tai hại ở vô minh là với năm biểu hiện. Vô minh được diệt tận với tám biểu hiện. Tai hại ở vô minh là với năm biểu hiện gì? Tai hại ở vô minh theo ý nghĩa vô thường, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa khổ não, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa vô ngã, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa thiêu đốt, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa chuyển biến; tai hại ở vô minh là với năm biểu hiện này.

VÔ minh được diệt tận với tám biểu hiện gì? Với sự diệt tận của căn nguyên, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của nguồn gốc sanh khởi, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của sanh, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của phát khởi, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của nhân, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của duyên, vô

minh được diệt tận; với sự sanh khởi của trí, vô minh được diệt tận; với sự thiết lập của diệt tận, vô minh được diệt tận; vô minh được diệt tận với tám biểu hiện này. Sau khi nhìn thây sự tai hại ở vô minh với năm biêu hiện này, có ước muôn sanh lên về sự diệt tận ở vô minh với tám biểu hiện này, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở vô minh, tôi sẽ thở va" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở vô minh, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Tai hại ở các hành là với bao nhiêu biểu hiện? Các hành được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở thức là với bao nhiêu biểu hiên? Thức được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở danh sắc là với bao nhiêu biêu hiện? Danh săc được diệt tận với bao nhiêu biêu hiện?...(nt)... Tai hại ở sáu xứ là với bao nhiêu biểu hiện? Sáu xứ được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (ní)... Tai hại ở xúc là với bao nhiêu biểu hiện? Xúc được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (ní)... Tai hại ở thọ là với bao nhiêu biểu hiện? Thọ được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở ái là với bao nhiêu biểu hiện? Ái được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt).. Tai hại ở thủ là với bao nhiêu biểu hiện? Thủ được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt).. Tai hại ở hữu là với bao nhiêu biểu hiện? Hữu được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt).. Tai hại ở sanh là với bao nhiêu biểu hiện? Sanh được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở lão tử là với bao nhiêu biểu hiện? Lão tử được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? Tai hại ở lão tử là với năm biểu hiện. Lão tử được diệt tận với tám biêu hiện. Tai hại ở lão tử là vơi năm biêu hiện gì? Tai hại ơ lão tử theo ý nghĩa vô thường,... (nt).. theo ý nghĩa khổ não,... (nt).. theo ý nghĩa vô ngã,... (nt)... theo ý nghĩa thiêu đốt,... (nt)... theo ý nghĩa chuyển biến; tai hại ở lão tử là với năm biểu hiện này. Lão tử được diệt tận với tám biểu hiện gì? Với sự diệt tận của căn nguyên, lão tử được diệt tận; với sự diệt tận của nguồn gốc sanh khởi,... (nt)... với sự diệt tận của sanh,...(nt)... với sự diệt tận của phát khởi,... (nt)... với sự diệt tận của nhân,... (nt)... với sự diệt tận của duyên,... (nt)... với sự sanh khởi của trí,... vơi sự thiết lập của diệt tận, lão tử được diệt tận; lão tử được diệt tận với tám biểu hiện này. Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở lão tử với năm biểu hiện này, có ước muốn sanh lên về sự diệt tận ở lão tử với tám biểu hiện này, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, Uquán xét về diệt tận ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập.

928 KINH TIÊU BÔ

Quán xét về diệt tận nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, các pháp là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét các pháp ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp.^, Quán xét: Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Quán xét về diệt tận của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ỷ nghĩa thu thúc,... (nt)... Quán xét về diệt tận, đối với vị nhận biết sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vi ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh (3) "Quán xét về từ bỏ, tôi sê thở vSo" vị ấy tập, "quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở ra" vi ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Từ bỏ: Có hai sự từ bỏ: Sự từ bỏ do bu6ng bỏ và sự từ bỏ do tiến vao. "Buông bỏ sắc" là sự từ bỏ do buông bỏ. 66Tâm tiên vào sự diệt tận của sắc Niết- bàn,, là sự từ bỏ do tiến vào: "Quán xét về từ bỏ các sắc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về từ bỏ các sắc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. "Buông bỏ thQ”... (nt).. tưởng... (nt)... các hành... (nt)... thức... (nt)... mắt... (nt)... "Buông bỏ lão tử" là sự từ bỏ do buông bỏ. "Tâm tiến vào sự diệt tận của lão tử Niet-ban,9 là sự từ bỏ do tiến vào: "Quán xét về từ bỏ lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, “quán xét về từ bỏ lão tử, tôi se thở ra" vị ấy tập. Quán xét về sự từ bỏ nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, các pháp là sự thiết ỉầỊỊ không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét các pháp ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp.” Quán xét: Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét về vô thường, không phải về thường. ... (nt)... [Vị ấy] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét về vô thường, [vị ấy] dứt bỏ thường tưởng. ... (nt)... trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. Sự tu táp: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ây theo ý nghĩa không vượt trội,... (nt)...là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Quán xét về từ bỏ đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, là tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, là kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức. Trong trường hợp ây ý nghĩa thu thúc là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp ấy ý nghĩa theo ý nghĩa không tản mạn là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp ây ý nghĩa nhận thức là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này vị ấy tập; trong khi nhận biết,... (nt)... trong khi tác chứng các pháp cần được tác chứng vị ấy tập.

PHÂN TÍCH ĐẠO 929

Có sự quán xét vê từ bỏ, đôi với vị nhận biêt sự chuyên nhát không tản mạn của tâm nhờ tác độnệ của hơi thở vào hơi thở ra, các thọ sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đen, biến mất được biết đến... (ĩit).. Có sự quán xét về từ bỏ, trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, [vị ấy] liên kết các quyền, nhận biết hành xứ, thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh, [vị ấy] liên kết các lực, liên kết các giác chi, liên kết đạo, liên kết các pháp, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tinh. Liên kết các quyền: Liên kết các quyền là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết tín quyền theo ý nghĩa cương quyết ... (nt)...; vì thế được nói rằng: “Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh.,, (4) Tám trí về quán xét, tám tùy niệm về sự thiết lập, và bốn nền tảng thuộc Kinh về việc quán xét pháp trên các pháp. Đây là ba mươi hai trí về việc thực hành niệm. Nhóm bốn thứ tư. Dứt phần giải thích trí về việc thực hành niệm.

6-11. NHÓM SÁU VÈ TRÍ (6) Hai mươi bốn trí gì do năng lực của định? Nhờ tác động của hơi thở vào dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định, nhờ tác động của hơi thở ra dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là đinh,... (nt).. Làm cho tâm được giải thoát, nhờ tác động của hơi thở vào sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định, làm cho tâm được giải thoát, nhờ tác động của hơi thở ra sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Đây là hai mươi bốn trí do năng lực của định. (7) Bảy mươi

hai trí gì do năng lực của minh sát? Hơi thở vào dài, theo ý nghĩa quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là kho não là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là vô ngã là minh sát. Hơi thở ra dài, theo ý nghĩa quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là vô ngã là minh sát. ... (nt)... Làm cho tâm được giải thoát trong khi thở vào, làm cho tâm được giải thoát trong khi thở ra, theo ý nghĩa quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là kho não là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là vô ngã là minh sát. Đây là bảy mươi hai trí do năng lực của minh sát. (8) Tám trí về nhàm chán là gì? "Quán xét về vô thường, [vị ấy] biết và thấy hơi thở vào đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán, "quán xét về vô thường, [vi ấy] biết và thấy hơi thở ra đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán,... (nt)..., "quán xét về từ bỏ? [vi ấy] biết và thấy hơi thở vào đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán, "quán xét về từ bỏ, [vị ấy] biết và thấy hơi thở ra đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán.

Đây là tám trí vê nhàm chán. (9) Tám trí thuận theo nhàm chán là gì? Quán xét vê vô thường trong khi thở vào, tuệ vê sự thiêt lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán; quán xét về vô thường trong khi thở ra, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán;... (nt)... quán xét về từ bỏ trong khi thở vào, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán; quán xét về từ bỏ trong khi thở ra, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán. Đây là tám trí thuận theo nhàm chán. (10) Tám trí gì về sự tịnh lặng của nhàm chán? Quán xét về vô thường trong khi thở vào, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí vê sự tinh lặng của nhàm chán; quán xét vê vô thường trong khi thở ra, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí về sự tịnh lặng của nhàm chán;... (nt)...; quán xét về từ bỏ trong khi thở vào, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí về sự tịnh lặng của nhàm chán; quán xét về từ bỏ trong khi thở ra, tuệ ve sự phân biệt rõ và ve sự trụ vững là trí ve sự tịnh lặng của nhàm chán. Đây là tám trí về sự tịnh lặng của nhàm chán. (H) Hai mươi mốt trí gì về sự an lạc của giải thoát? Do đạo Nhập lưu, trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với thân kiến sanh lên là trí ve sự an lạc của giải thoát; trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với hoài nghi sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát; trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với sự cố chấp vào giới và nghi thức,...đối với kiến ngủ ngầm,... đối với hoài nghi ngủ ngầm sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát. Do đạo Nhất lai, trạng thái dứt bỏ5 trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với sự ràng buộc của ái dục, đôi với sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển,... đối với ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát. Do đạo Bát lai, trạng thái dứt bỏ, trạnệ thái đoạn trừ hoàn toàn đôi với sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bát bình có tính chất vi tế,... đối với ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát. Do đạo A-la-hán, trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đoi với ái sắc,...đối với ái vô sắc, đối với ngã mạn, đối với phónẹ dật, đối với vô minh, đối với ngã mạn ngủ ngâm, đôi với ái hữu ngủ ngâm, đôi với vô minh ngủ ngâm sanh lên là trí vê sự an lạc của giải thoát. Đây là hai mươi mốt trí về sự an lạc của giải thoát. Đối với vị

đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng, có hơn hai trăm pháp sanh lên [ở vị ấy]. Phần giảng về 6íNiệm hơi thở vào hơi thở ra" được hoàn tất.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.